



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 197/BC-UBND

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính
trong tháng 7 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện Công văn số 412/BTP-KSTT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Bộ Tư pháp về việc báo cáo cải cách thủ tục hành chính hằng tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính trong tháng 7 năm 2026 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng rõ việc, rõ trách nhiệm, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; đồng thời gắn kết quả thực hiện với đánh giá cải cách hành chính và trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đối với chế độ thông tin, báo cáo về kiểm soát thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo triển khai Thông tư số 09/2026/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện báo cáo đúng thời hạn, đúng biểu mẫu, số liệu chính xác, trung thực. Đồng thời, chấn chỉnh tình trạng không báo cáo, báo cáo chậm, báo cáo sai số liệu; giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, công khai danh sách vi phạm để làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm người đứng đầu.

Đối với lĩnh vực đất đai, y tế và các lĩnh vực phát sinh hồ sơ trễ hạn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chấn chỉnh, yêu cầu các cơ quan, địa phương rà soát, phân loại nguyên nhân, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, bộ phận, cá nhân; xử lý dứt điểm hồ sơ tồn đọng, quá hạn; không để việc trả hồ sơ, dừng xử lý hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ không đúng thời hạn, không đầy đủ căn cứ pháp lý, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân, doanh nghiệp.

Nhằm không để phát sinh khoảng trống pháp lý trong giải quyết thủ tục hành chính về đất đai sau khi Nghị định số 49/2026/NĐ-CP có hiệu lực, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6

năm 2026 quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh; đồng thời chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu, thành phần hồ sơ và phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp để công khai, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thống nhất, thông suốt.

Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính; triển khai công cụ Trợ lý AI đất đai tại hơn 80 cơ quan, đơn vị, hỗ trợ xử lý trên 300 hồ sơ, góp phần giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn từ 11,4% xuống còn 6%. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các địa phương chưa triển khai khẩn trương đưa công cụ vào sử dụng; các đơn vị đã triển khai phải khai thác thực chất, bảo đảm an toàn thông tin và lấy kết quả thực hiện làm căn cứ đánh giá cải cách hành chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất chủ trương mở chuyên mục “Người dân, doanh nghiệp hỏi, Chính quyền tỉnh Gia Lai trả lời” trong chương trình thời sự buổi tối; triển khai Đề án phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; chỉ đạo duy trì Quầy ưu tiên tiếp nhận hồ sơ, nghiên cứu mô hình Dịch vụ công lưu động và tăng cường hỗ trợ nhóm yếu thế trong thực hiện thủ tục hành chính.

Về cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện thống nhất theo Quyết định số 71/2026/QĐ-UBND, không ban hành thêm quy chế riêng; tập trung công khai thủ tục hành chính, thực hiện đúng quy trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa, xử lý, trả kết quả, khai thác lại dữ liệu đã có và không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp thêm giấy tờ ngoài quy định.

2. Cải cách việc quy định thủ tục hành chính

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham gia ý kiến đối với dự thảo Quyết định quy định 38 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai và hồ sơ đánh giá tác động thủ tục hành chính; yêu cầu Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện nội dung về phí, lệ phí, trình tự, cách thức nộp hồ sơ, trách nhiệm số hóa, cơ chế phối hợp liên thông, phân cấp, ủy quyền, biểu mẫu, điều kiện thực hiện và thời hạn giải quyết. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 104/2026/QĐ-UBND, tạo cơ sở pháp lý để địa phương tiếp nhận, giải quyết hồ sơ đất đai ổn định, liên tục.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo rà soát thực tiễn triển khai các thủ tục hành chính được ban hành theo Quyết định số 85/2025/QĐ-UBND về chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương; yêu cầu Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường đánh giá nhu cầu phát sinh, nguyên nhân chưa phát sinh hồ sơ hoặc chưa cập nhật trên hệ thống, làm cơ sở đề xuất duy trì, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ cho phù hợp thực tiễn.

Đối với nhiệm vụ rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ năm 2026; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp

tục đơn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát thực chất, không hình thức, tập trung vào cắt giảm thành phần hồ sơ, thời gian, chi phí tuân thủ và nhóm thủ tục liên thông.

3. Cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính

Trong kỳ báo cáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 39 Quyết định công bố danh mục 397 thủ tục hành chính, gồm 79 thủ tục ban hành mới, 210 thủ tục sửa đổi, bổ sung và 104 thủ tục bãi bỏ; đồng thời cập nhật, sửa đổi, bổ sung thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 11 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 152 thủ tục hành chính; các quy trình thuộc phạm vi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã được thiết lập để phục vụ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ. Đối với các thủ tục thực hiện trên hệ thống tập trung của bộ, ngành, tỉnh đã gửi bộ chủ quản để phối hợp thiết lập quy trình điện tử, bảo đảm đồng bộ giữa quy trình nội bộ và quy trình vận hành trên hệ thống.

Theo số liệu cập nhật đến ngày 20 tháng 7 năm 2026, toàn tỉnh tiếp nhận 116.262 hồ sơ thủ tục hành chính; trong đó 95.718 hồ sơ tiếp nhận mới, gồm 91.732 hồ sơ trực tuyến và 3.986 hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích; 20.544 hồ sơ chuyển từ kỳ trước sang. Tổng số hồ sơ đã giải quyết là 86.943 hồ sơ, gồm 77.831 hồ sơ giải quyết trước hạn, 7.155 hồ sơ đúng hạn và 1.957 hồ sơ trễ hạn; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt 97,75%. Số hồ sơ đang giải quyết là 25.229 hồ sơ, trong đó 19.752 hồ sơ còn trong hạn và 5.477 hồ sơ quá hạn.

Ghi nhận, biểu dương Sở Y tế, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ủy ban nhân dân các phường Hoài Nhơn, Pleiku, An Nhơn và Ủy ban nhân dân xã An Hòa đã tiếp nhận, giải quyết khối lượng hồ sơ tương đối lớn nhưng không phát sinh hồ sơ giải quyết trễ hạn và hồ sơ đang giải quyết quá hạn. Đây là kết quả thể hiện sự chủ động trong theo dõi tiến độ, phân công xử lý hồ sơ và phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn.

Biểu dương Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Chư Păh đã chủ động theo dõi, tổng hợp, công khai tình hình giải quyết hồ sơ; trong tháng 6 năm 2026 đã giải quyết 311/354 hồ sơ, đạt 87,53%, tăng 1,42% so với tháng trước. Việc xác định rõ trách nhiệm của cá nhân, phòng chuyên môn liên quan đến hồ sơ trễ hạn thể hiện tinh thần nghiêm túc, cầu thị trong cải cách thủ tục hành chính.

Bên cạnh kết quả tích cực, đến thời điểm tổng hợp vẫn còn 04 đơn vị cấp xã chưa gửi báo cáo tháng 7 năm 2026, gồm xã Sơn Lang, xã Chợ Long, xã Hra và xã Ia Khrol. Việc chậm báo cáo làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp chung của tỉnh, gây khó khăn trong đánh giá đầy đủ tình hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

Phê bình Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã Mang Yang, Ia Le, Đak Đoa, Kon Chiêng và Ủy ban nhân dân phường An Phú còn để phát sinh số lượng hồ sơ trễ hạn hoặc quá hạn cao. Cụ thể, Sở Nông nghiệp và Môi trường có 1.089 hồ sơ giải quyết trễ hạn và 4.105 hồ sơ đang giải quyết quá hạn; xã Mang Yang có 136 hồ sơ quá hạn; phường An Phú có 91 hồ sơ quá hạn;

xã Ia Le có 88 hồ sơ quá hạn; xã Đak Đoa có 86 hồ sơ quá hạn; xã Kon Chiêng có 53 hồ sơ quá hạn. Yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, địa phương nêu trên nghiêm túc kiểm tra, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân; khẩn trương xây dựng kế hoạch xử lý dứt điểm hồ sơ tồn đọng, quá hạn, không để tiếp tục phát sinh hồ sơ quá hạn mới do nguyên nhân chủ quan.

4. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị

Trong tháng 7 năm 2026, công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công quốc gia được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Tổng số phản ánh, kiến nghị tiếp nhận thuộc thẩm quyền là 90; đã xử lý và công khai 49 phản ánh, kiến nghị, bảo đảm 100% kết quả được công khai đúng thời gian quy định; đang xử lý 25 phản ánh, kiến nghị và không có phản ánh, kiến nghị quá hạn.

Có 16 phản ánh, kiến nghị bị từ chối tiếp nhận, nguyên nhân chủ yếu do nội dung trùng lặp, không thuộc phạm vi quy định hành chính hoặc người dân cung cấp thông tin chưa đầy đủ, không đủ cơ sở để cơ quan có thẩm quyền rà soát, xử lý.

5. Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP và các nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục triển khai Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2025 - 2030 theo Nghị quyết số 66/NQ-CP. Đến nay, các Sở Y tế, Tư pháp, Công Thương, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng đã hoàn thành rà soát, tham mưu phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ và có văn bản báo cáo kết quả theo yêu cầu.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 03 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa cho 1.713 thủ tục hành chính, bảo đảm rà soát 100% thủ tục thuộc phạm vi quản lý. Kết quả cắt giảm thời gian giải quyết đạt 55,15%, vượt 5,15% so với chỉ tiêu Chính phủ giao cho năm 2026 tại Nghị quyết số 66/NQ-CP.

Tỉnh đã ban hành danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với 100% thủ tục đủ điều kiện; ban hành Quy chế phối hợp thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính, cho phép người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa thuận tiện mà không bị giới hạn bởi địa giới hành chính.

Về phân cấp, ủy quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định ủy quyền cho các sở, ngành giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, công thương, y tế, khoa học và công nghệ, xây dựng; đồng thời chỉ đạo rà soát toàn bộ các nội dung phân cấp, ủy quyền liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính để kịp thời công bố, phê duyệt quy trình nội bộ, cập nhật quy trình điện tử, không để phát sinh thêm thủ tục, hồ sơ, thời gian giải quyết ngoài quy định.

Đối với việc triển khai Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo khai thác dữ liệu trống trọt thay thế giấy tờ; rà soát thành phần hồ sơ, thông tin trên đơn, tờ khai và dữ liệu thẩm định có thể khai thác từ 11 cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng thời yêu cầu triển khai kết nối Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để tái sử dụng dữ liệu trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

6. Triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung

Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục triển khai mô hình hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương. Đối với ngành Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo bảo đảm 100% hồ sơ phát sinh được tiếp nhận, số hóa, xử lý, thanh toán và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Xây dựng; không giải quyết hồ sơ ngoài hệ thống, trừ trường hợp có sự cố nghiêm trọng.

Từ thực tiễn triển khai, tỉnh nhận thấy việc vận hành đồng thời Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, các hệ thống tập trung của bộ, ngành và Cổng Dịch vụ công quốc gia còn phát sinh nhiều khó khăn về kết nối, xác thực, phân quyền, đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ, chuẩn hóa danh mục, chia sẻ dữ liệu và thiết lập quy trình điện tử. Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiến nghị các cơ quan Trung ương sớm ban hành hướng dẫn kỹ thuật thống nhất, tránh đầu tư trùng lặp, bảo đảm dữ liệu được khai thác, tái sử dụng an toàn, đồng bộ, hiệu quả.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã yêu cầu VNPT Gia Lai nghiêm túc chấn chỉnh công tác phối hợp, bố trí đủ nhân sự kỹ thuật có năng lực, xử lý dứt điểm các tồn tại trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; không để kéo dài, khắc phục hình thức hoặc báo cáo chung chung, thiếu sản phẩm cụ thể. Các sở, ngành tiếp tục chủ động phối hợp với bộ quản lý ngành để thiết lập quy trình điện tử trên các hệ thống tập trung, bảo đảm không làm gián đoạn việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả nổi bật

Công tác cải cách thủ tục hành chính tháng 7 năm 2026 tiếp tục được triển khai quyết liệt, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành Trung ương; trọng tâm là vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, triển khai 11 Nghị quyết của Chính phủ về phân cấp, phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ không bị gián đoạn.

Công tác chỉ đạo, điều hành chuyển mạnh theo hướng thực chất, có kiểm tra, có chấn chỉnh và xác định rõ trách nhiệm. Nhiều văn bản chỉ đạo được ban hành kịp thời để tháo gỡ vướng mắc, xử lý hồ sơ trễ hạn, tồn đọng; kết quả thực hiện được gắn với chấm điểm cải cách hành chính, trách nhiệm người đứng đầu và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính có chuyển biến rõ nét thông qua việc mở rộng khai thác dữ liệu, triển khai Trợ lý AI đất đai, Đề án VNeID, mô hình Ki-ốt dịch vụ công, Quầy ưu tiên tiếp nhận hồ sơ và các giải pháp hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

2. Tồn tại, hạn chế

Tình trạng hồ sơ trễ hạn, quá hạn vẫn còn phát sinh tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ yếu trong lĩnh vực đất đai; việc phối hợp giữa cơ quan tài nguyên môi trường, cơ quan thuế và chính quyền cấp xã trong một số trường hợp chưa thật sự đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ cho người dân.

Việc triển khai các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của bộ, ngành đang trong giai đoạn chuyển đổi nên còn phát sinh khó khăn về kết nối, đồng bộ dữ liệu, cấu hình quy trình điện tử, phân quyền tài khoản, chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống.

Công tác khai thác, tái sử dụng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa đồng đều giữa các địa phương; một số đơn vị chưa chủ động triển khai hoặc chưa khai thác hiệu quả các công cụ số phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Việc chấp hành chế độ báo cáo của một số địa phương chưa nghiêm; còn tình trạng chậm gửi hoặc chưa gửi báo cáo định kỳ, ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, theo dõi, đánh giá kết quả cải cách thủ tục hành chính trên phạm vi toàn tỉnh.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Bộ Công an, Bộ Quốc phòng sớm hướng dẫn thống nhất việc triển khai các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng nhưng được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết; làm rõ hệ thống tiếp nhận, xử lý, theo dõi hồ sơ, cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu, đồng bộ trạng thái xử lý giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

2. Đề nghị Bộ Tài chính rà soát, sửa đổi thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải, mã thủ tục hành chính 1.013040.H21, bảo đảm thống nhất với quy định về đối tượng chịu phí, thẩm quyền quản lý và thực tiễn tổ chức thực hiện tại cấp xã.

3. Đề nghị Bộ Công Thương rà soát, sửa đổi nội dung công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất đối với các thủ tục chưa có quy định cụ thể về mức thu phí, lệ phí; trường hợp pháp luật chưa quy định mức thu thì cần công bố rõ là “Không” hoặc “Chưa quy định”, không ghi chung chung là “thực hiện theo quy định của pháp luật”.

4. Đề nghị Bộ Dân tộc và Tôn giáo sớm triển khai các thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu thuộc phạm vi chức năng quản lý trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chuyên ngành theo Quyết định số 363/QĐ-BD TTG ngày 19 tháng 6 năm 2026.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 8 NĂM 2026

1. Tiếp tục triển khai hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương; bảo đảm hồ sơ được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả đúng quy định, không gián đoạn.

2. Kiểm tra, nắm bắt tình hình triển khai các hệ thống phần mềm tập trung tại Ủy ban nhân dân các xã, phường để kịp thời hỗ trợ, khắc phục vướng mắc về tài khoản, luồng xử lý, dữ liệu, trạng thái hồ sơ và trả kết quả.

3. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện các mô hình ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, ưu tiên các lĩnh vực có số lượng hồ sơ lớn, tỷ lệ trễ hạn cao hoặc phát sinh nhiều phản ánh, kiến nghị.

4. Rà soát, chuẩn hóa quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo từng bộ, ngành quản lý lĩnh vực; bảo đảm thống nhất giữa quy trình nội bộ, quy trình điện tử và thời gian giải quyết đã được cắt giảm.

5. Rà soát việc triển khai các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo các Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu điều chỉnh quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử tương ứng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và các hệ thống tập trung của bộ, ngành.

6. Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính được bộ, ngành Trung ương công bố mới hoặc sửa đổi, bổ sung; đánh giá khả năng cắt giảm thời gian giải quyết, chuẩn hóa quy trình, kịp thời tham mưu công bố, phê duyệt quy trình nội bộ và cập nhật quy trình điện tử.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai trân trọng báo cáo Bộ Tư pháp tổng hợp theo quy định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Tỉnh đoàn Gia Lai;
- VNPT tỉnh, Bưu điện tỉnh;
- LĐ, CV VPUBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, PVHCC^{KSTT}.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Báo cáo số: 197 /BC-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

ST T	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn
I.	CẤP TỈNH	45614	31973	1275	12366	30644	29542	11	1091	14318	10213	4105
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	113	103	0	10	102	102	0	0	10	10	0
2	Sở Công Thương	149	117	0	32	122	121	1	0	27	27	0
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	22	0	11	11	12	12	0	0	10	10	0
4	Sở Khoa học và Công nghệ	345	321	0	24	327	327	0	0	16	16	0
5	Sở Ngoại vụ	12	6	6	0	10	5	3	2	1	1	0
6	Sở Nội vụ	150	115	0	35	75	75	0	0	75	75	0
7	Sở Nông nghiệp và Môi trường	43317	30292	1117	11908	28841	27749	3	1089	13853	9748	4105
8	Sở Tài chính	82	75	0	7	54	54	0	0	28	28	0
9	Sở Tư pháp	45	43	1	1	43	43	0	0	2	2	0
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	171	163	0	8	165	165	0	0	6	6	0
11	Sở Xây dựng	444	309	0	135	333	333	0	0	86	86	0
12	Sở Y tế	580	429	0	151	420	416	4	0	160	160	0
13	Thanh tra tỉnh	184	0	140	44	140	140	0	0	44	44	0

ST T	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn
II.	CẤP XÃ	70648	59759	2711	8178	56299	48289	7144	866	10911	9539	1372
1	UBND phường An Bình	477	357	0	120	386	34	343	9	91	88	3
2	UBND phường An Khê	549	474	0	75	426	423	0	3	123	100	23
3	UBND phường An Nhơn	965	913	0	52	920	920	0	0	45	45	0
4	UBND phường An Nhơn Bắc	480	458	0	22	421	419	0	2	39	39	0
5	UBND phường An Nhơn Đông	527	497	0	30	506	506	0	0	21	21	0
6	UBND phường An Nhơn Nam	410	398	0	12	375	369	0	6	35	35	0
7	UBND phường An Phú	756	607	0	149	555	525	0	30	201	110	91
8	UBND phường Ayun Pa	716	556	0	160	641	481	55	105	75	75	0
9	UBND phường Bình Định	508	428	0	80	393	393	0	0	97	97	0
10	UBND phường Bồng Sơn	172	142	0	30	126	126	0	0	46	46	0
11	UBND phường Diên Hồng	778	0	669	109	631	490	135	6	112	98	14
12	UBND phường Hoài Nhơn	1370	1276	0	94	1151	576	575	0	188	188	0

ST T	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn
13	UBND phường Hoài Nhơn Bắc	661	589	0	72	523	523	0	0	133	133	0
14	UBND phường Hoài Nhơn Đông	532	462	0	70	401	401	0	0	131	131	0
15	UBND phường Hoài Nhơn Nam	601	556	0	45	511	510	0	1	90	90	0
16	UBND phường Hoài Nhơn Tây	534	511	0	23	455	455	0	0	79	79	0
17	UBND phường Hội Phú	1746	1335	0	411	1231	1227	0	4	515	496	19
18	UBND phường Pleiku	1279	1128	0	151	1119	980	139	0	160	160	0
19	UBND phường Quy Nhơn	1414	1256	0	158	1261	1255	0	6	153	149	4
20	UBND phường Quy Nhơn Bắc	521	393	0	128	374	373	0	1	147	147	0
21	UBND phường Quy Nhơn Đông	815	714	0	101	651	647	0	4	148	132	16
22	UBND phường Quy Nhơn Nam	1045	942	0	103	908	900	0	8	109	89	20
23	UBND phường Quy Nhơn Tây	378	312	0	66	310	292	0	18	68	31	37
24	UBND phường Tam Quan	566	529	0	37	459	459	0	0	91	91	0

ST T	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn
25	UBND phường Thống Nhất	1049	1014	0	35	969	966	0	3	80	80	0
26	UBND xã Albá	198	182	0	16	179	179	0	0	19	19	0
27	UBND xã An Hòa	726	724	0	2	723	723	0	0	3	3	0
28	UBND xã An Lão	506	506	0	0	502	502	0	0	4	4	0
29	UBND xã An Lương	629	557	0	72	581	572	6	3	48	28	20
30	UBND xã An Nhơn Tây	600	571	0	29	558	558	0	0	28	28	0
31	UBND xã An Toàn	190	190	0	0	190	0	190	0	0	0	0
32	UBND xã An Vinh	301	298	0	3	202	202	0	0	99	99	0
33	UBND Xã Ayun	241	0	189	52	192	192	0	0	49	33	16
34	UBND xã Ân Hảo	369	331	0	38	331	321	0	10	38	33	5
35	UBND xã Ân Tường	426	413	0	13	337	336	1	0	53	46	7
36	UBND Xã Bàu Cạn	403	335	1	67	256	217	33	6	67	67	0
37	UBND Xã Biển Hồ	472	402	0	70	367	360	0	7	105	105	0
38	UBND xã Bình An	440	418	0	22	295	294	0	1	29	21	8
39	UBND xã Bình Dương	438	405	0	33	423	422	0	1	15	15	0
40	UBND xã Bình Hiệp	153	144	0	9	108	107	0	1	36	35	1
41	UBND xã Bình Khê	700	585	0	115	552	534	0	18	146	113	33
42	UBND xã Bình Phú	60	54	0	6	47	42	0	5	13	5	8
43	UBND xã Bờ Ngoong	368	296	0	72	257	16	229	12	91	71	20

ST T	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn
44	UBND xã Canh Liên	58	58	0	0	58	58	0	0	0	0	0
45	UBND xã Canh Vinh	65	43	0	22	50	43	0	7	15	13	2
46	UBND xã Cát Tiến	2004	1920	0	84	1802	1753	40	9	113	84	29
47	UBND xã Chư A Thai	552	501	0	51	476	471	0	5	71	49	22
48	UBND xã Chư Krey	191	168	0	23	159	0	159	0	32	31	1
49	UBND xã Chư Păh	313	262	0	51	258	251	0	7	50	50	0
50	UBND Xã Chư Prông	352	273	0	79	256	248	0	8	71	50	21
51	UBND xã Chư Pưh	456	382	0	74	364	301	56	7	92	81	11
52	UBND Xã Chư Sê	864	669	0	195	565	0	563	2	299	299	0
53	UBND Xã Cửu An	331	287	0	44	248	21	213	14	83	68	15
54	UBND xã Đak Đoa	639	482	0	157	371	364	0	7	258	172	86
55	UBND xã Đak Pơ	532	509	0	23	509	509	0	0	23	23	0
56	UBND xã Đak Rong	331	278	0	53	313	0	313	0	18	18	0
57	UBND xã Đak Somei	264	219	0	45	212	207	0	5	52	43	9
58	UBND xã Đăk Song	75	73	0	2	72	71	0	1	3	3	0
59	UBND xã Đề Gi	807	717	0	90	671	669	0	2	136	92	44
60	UBND xã Đức Cơ	935	915	0	20	809	125	673	11	126	126	0
61	UBND xã Gào	249	130	0	119	121	121	0	0	127	127	0
62	UBND xã Hòa Hội	794	728	0	66	749	741	0	8	45	45	0
63	UBND xã Hoài Ân	628	557	0	71	520	510	8	2	108	77	31
64	UBND xã Hội Sơn	500	464	0	36	482	471	0	11	18	9	9

ST T	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn
65	UBND xã Ia Băng	524	394	0	130	391	220	154	17	133	132	1
66	UBND xã Ia Boòng	377	293	1	83	305	295	0	10	72	52	20
67	UBND xã Ia Chía	280	275	0	5	275	275	0	0	5	3	2
68	UBND xã Ia Dom	163	154	0	9	151	151	0	0	12	12	0
69	UBND xã Ia Dôk	538	484	54	0	464	422	20	22	74	74	0
70	UBND xã Ia Dreh	778	743	0	35	739	11	722	6	39	34	5
71	UBND xã Ia Grai	431	405	0	26	382	382	0	0	37	35	2
72	UBND xã Ia Hiao	483	451	0	32	456	449	0	7	27	21	6
73	UBND xã Ia Hrú	672	582	0	90	592	576	0	16	67	65	2
74	UBND xã Ia Hrung	850	631	11	208	573	567	0	6	69	69	0
75	UBND xã Ia Ko	620	496	0	124	513	453	42	18	107	76	31
76	UBND xã Ia Krái	602	453	116	33	553	552	0	1	49	46	3
77	UBND xã Ia Krêl	477	384	0	93	358	350	0	8	100	80	20
78	UBND xã Ia Lâu	215	158	0	57	137	137	0	0	75	41	34
79	UBND xã Ia Le	553	435	0	118	426	0	426	0	127	39	88
80	UBND xã Ia Ly	207	179	0	28	157	141	13	3	42	41	1
81	UBND xã Ia Mơ	38	38	0	0	37	37	0	0	1	1	0
82	UBND xã Ia Nan	134	113	0	21	101	88	0	13	28	27	1
83	UBND xã Ia O	111	98	4	9	102	90	8	4	5	2	3
84	UBND xã Ia Pa	662	624	0	38	572	563	2	7	51	48	3
85	UBND xã Ia Phí	259	225	0	34	195	189	0	6	64	59	5

ST T	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn
86	UBND xã Ia Pia	300	279	0	21	268	0	267	1	32	32	0
87	UBND xã Ia Pnôn	307	295	0	12	259	258	0	1	48	48	0
88	UBND xã Ia Púch	88	84	4	0	87	0	87	0	1	1	0
89	UBND xã Ia Rbol	200	193	0	7	194	192	0	2	6	6	0
90	UBND xã Ia Rsai	580	528	0	52	528	299	229	0	52	52	0
91	UBND xã Ia Sao	219	206	0	13	195	191	0	4	24	18	6
92	UBND xã Ia Tôr	173	147	0	26	142	134	0	8	31	21	10
93	UBND xã Ia Tul	487	427	0	60	398	0	396	2	89	58	31
94	UBND xã Kbang	814	681	33	100	713	680	0	33	101	83	18
95	UBND xã KDang	650	485	0	165	403	388	0	15	247	247	0
96	UBND xã Kim Sơn	218	212	0	6	202	199	0	3	16	15	1
97	UBND xã Kon Chiêng	276	174	0	102	99	90	0	9	174	121	53
98	UBND xã Kon Gang	646	493	0	153	452	391	0	61	185	176	9
99	UBND xã Kông Bơ La	753	694	0	59	667	661	0	6	84	55	29
100	UBND xã Kông Chro	528	438	1	89	435	428	0	7	93	93	0
101	UBND xã Krong	128	115	1	12	103	5	95	3	25	23	2
102	UBND xã Lơ Pang	497	349	0	148	334	312	0	22	158	120	38
103	UBND xã Mang Yang	934	730	0	204	606	505	83	18	328	192	136
104	UBND xã Ngô Mây	516	516	0	0	516	516	0	0	0	0	0
105	UBND xã Nhơn Châu	6	2	2	2	2	2	0	0	0	0	0
106	UBND xã Phù Cát	305	245	0	60	147	146	0	1	139	139	0

ST T	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn
107	UBND xã Phù Mỹ	471	381	0	90	298	284	0	14	173	165	8
108	UBND xã Phù Mỹ Bắc	479	400	0	79	420	420	0	0	59	59	0
109	UBND xã Phù Mỹ Đông	931	652	0	279	481	473	0	8	428	426	2
110	UBND xã Phù Mỹ Nam	787	734	0	53	746	742	0	4	41	40	1
111	UBND xã Phù Mỹ Tây	566	558	0	8	423	358	64	1	133	130	3
112	UBND xã Phú Thiện	631	472	0	159	355	339	0	16	250	205	45
113	UBND xã Phú Túc	1368	1268	0	100	1066	1011	0	55	302	282	20
114	UBND xã Pờ Tó	440	368	0	72	370	364	0	6	70	56	14
115	UBND xã SRó	201	199	0	2	193	193	0	0	8	8	0
116	UBND xã Tây Sơn	562	499	0	63	505	505	0	0	57	57	0
117	UBND xã Tơ Tung	430	381	0	49	401	400	0	1	29	29	0
118	UBND xã Tuy Phước	1102	913	0	189	837	159	678	0	265	255	10
119	UBND xã Tuy Phước Bắc	900	858	0	42	107	104	0	3	37	33	4
120	UBND xã Tuy Phước Đông	921	863	0	58	837	832	0	5	77	77	0
121	UBND xã Tuy Phước Tây	163	108	0	55	94	82	0	12	69	49	20
122	UBND xã Uar	936	865	11	60	864	847	2	15	72	53	19
123	UBND xã Vạn Đức	389	364	0	25	228	228	0	0	87	64	23

ST T	Tên đơn vị	Tổng HS tiếp nhận	HS Trực tuyến	HS Trực tiếp	HS kỳ trước	Tổng HS giải quyết	HT Trước hạn	HT Đúng hạn	HT Trễ hạn	Tổng HS đang giải quyết	Đang xử lý trong hạn	Đang xử lý quá hạn
124	UBND xã Vân Canh	2630	1315	1313	2	1298	1298	0	0	24	17	7
125	UBND xã Vĩnh Quang	354	346	0	8	348	348	0	0	6	6	0
126	UBND xã Vĩnh Sơn	602	301	301	0	301	301	0	0	0	0	0
127	UBND xã Vĩnh Thạnh	322	314	0	8	270	269	1	0	52	52	0
128	UBND xã Vĩnh Thịnh	145	136	0	9	135	133	0	2	10	9	1
129	UBND xã Xuân An	415	397	0	18	378	375	0	3	37	37	0
130	UBND xã Ya Hội	157	146	0	11	126	0	124	2	31	21	10
131	UBND Xã Ya Ma	138	120	0	18	121	118	0	3	17	17	0
132	UBND xã Sơn Lang	CHƯA GỬI BÁO CÁO CẢI CÁCH TTHC THÁNG 7/2026										
133	UBND xã Chợ Long	CHƯA GỬI BÁO CÁO CẢI CÁCH TTHC THÁNG 7/2026										
134	UBND xã Hra	CHƯA GỬI BÁO CÁO CẢI CÁCH TTHC THÁNG 7/2026										
135	UBND xã Ia Khươl	CHƯA GỬI BÁO CÁO CẢI CÁCH TTHC THÁNG 7/2026										
	TỔNG CỘNG CẤP TỈNH + CẤP XÃ	116262	91732	3986	20544	86943	77831	7155	1957	25229	19752	5477